

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VẠN NINH
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST
Ngày 19 tháng 4 năm 2021
V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VẠN NINH, TỈNH KHÁNH HÒA**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Nguyệt

- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Ánh
Bà Phạm Thị Loan

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Quý Võ - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh H tham gia phiên tòa: Ông Phạm Duy Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 322/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đinh Thị A - Sinh năm: 1985

Trú tại: Thôn B, xã P, huyện N, tỉnh H.

Chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã K, huyện N, tỉnh H

Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn B - Sinh năm: 1986

Trú tại: Thôn B, xã P, huyện N, tỉnh H.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, Biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đinh Thị A trình bày: Bà và ông B tự nguyện kết hôn với nhau năm 2011, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh K theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01/2011, cấp ngày 06/01/2011. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Nhưng sau đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không còn tình cảm với nhau. Từ năm 2020, bà và ông B không còn chung sống với nhau. Nay, bà thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông B.

- Về con chung: Bà và ông B có 02 con chung tên Nguyễn Thị Diễm C – Sinh ngày 04/9/2011 và Nguyễn D – Sinh ngày 04/02/2016. Ly hôn, Bà yêu cầu được nuôi con chung Nguyễn D và giao con chung Nguyễn Thị Diễm C cho ông Nguyễn B nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với bị đơn ông Nguyễn B đến Tòa để làm việc nhưng ông B đều không có mặt để làm việc theo Giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án Do đó, Tòa án không lấy được lời khai và không hòa giải được vụ án.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn; bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị Tòa án chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn B là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông B.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đinh Thị A và ông Nguyễn B đã tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh K cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 01/2011, cấp ngày 06/01/2011. Nên quan hệ hôn nhân giữa bà Đinh Thị A và ông Nguyễn B được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, bà A vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn B. Xét lời khai của bà A thì thấy đời sống chung vợ chồng giữa bà A và ông B có nhiều mâu thuẫn trầm trọng mà không thể hàn gắn được. Hiện nay, vợ chồng không còn chung sống với nhau. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà A và ông B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, ông B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, việc bà A yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông B là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A là phù hợp.

[3] Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Bà A và ông B có 02 con chung tên Nguyễn Thị Diễm C – Sinh ngày 04/9/2011 và Nguyễn D – Sinh ngày

04/02/2016. Ly hôn, bà A yêu cầu được nuôi con chung Nguyễn D, giao con chung Nguyễn Thị Diễm C cho ông B nuôi dưỡng và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai. Xét cháu Nguyễn D còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ và xét thấy bà A có thu nhập ổn định nên giao cháu Nguyễn D cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Hiện nay cháu Nguyễn Thị Diễm C đang ở với ông Nguyễn B và xét nguyện vọng của cháu Nguyễn Thị Diễm C muốn được ở với ông Nguyễn B. Vì vậy, giao cháu Nguyễn Thị Diễm C cho ông Nguyễn B nuôi dưỡng là phù hợp. Bà A không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung : Bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Đinh Thị A.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đinh Thị A được ly hôn với ông Nguyễn B.

- Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao 01 (Một) con chung Nguyễn D – Sinh ngày 04/02/2016 cho bà Đinh Thị A và giao 01 (Một) con chung Nguyễn Thị Diễm C – Sinh ngày 04/9/2011 cho ông Nguyễn B trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Bà Đinh Thị A không yêu cầu ông Nguyễn B cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Đinh Thị A và ông Nguyễn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết bà Đinh Thị A và ông Nguyễn B đều có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con chung cũng như cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đinh Thị A không yêu cầu giải quyết;

2. Về án phí: Bà Đinh Thị A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0003388 ngày 24 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vạn Ninh. Bà Đinh Thị A đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo của nguyên đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; quyền kháng cáo của bị đơn là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh H;
- VKSND tỉnh H;
- VKSND huyện N ;
- Chi cục THA huyện N;
- Ủy ban nhân dân xã P;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, AV.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Nguyệt